

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thị Ánh Duyên
2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim A, sinh năm: 1999

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang P, sinh năm: 1989

Đều có địa chỉ: Khu Đ, xã P, huyện C, Phú Thọ.

(Chị A, anh P đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Kim A trình bày:

Chị và anh P kết hôn trên có sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2017 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ anh Phúc tại khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình

chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xảy ra tranh cãi bất hoà, đánh chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 5 năm 2021 chị và anh P đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị A xác nhận chị và anh P có 01 con chung Nguyễn Cao T, sinh ngày 13/3/2018. Hiện cháu Thái đang ở cùng anh P và bố mẹ đẻ anh P. Khi ly hôn chị nhất trí giao cháu T cho anh Phúc được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung do anh P tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị A không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai ngày 31/12/2021 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Quang P trình bày:* Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, đúng như chị A trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, khi xảy ra mâu thuẫn chị A hay cãi lại nên đôi khi nóng nảy anh có tát chị A, mâu thuẫn trầm trọng là khoảng cuối năm 2021 đến nay, chị A có hành vi ngoại tình (nhắn tin trên điện thoại xung hô vợ chồng tình cảm với người khác) nên anh đã đánh chị A, sau đó chị Anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó. Nay chị Anh xin ly hôn, anh P không đồng ý vì muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Nếu chị A cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đề nghị của chị A.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Cao T, sinh ngày 13/3/2018. Hiện cháu T đang ở cùng anh và bố mẹ đẻ anh. Anh P xin được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh P không yêu cầu giải quyết.

3, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã P ngày 04/01/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị A và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2017 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh P tại khu Đ, xã P, huyện C, Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã đánh nhau do những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Cao T, sinh ngày 13/3/2018. Từ khi anh chị sống ly thân thì con

chung ở với anh P. Anh P được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu T nên cháu T có cuộc sống ổn định. Nay chị A xin ly hôn anh P, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227; khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim A được ly hôn anh Nguyễn Quang P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho anh Nguyễn Quang P trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Cao T, sinh ngày 13/3/2018. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã P, huyện C, Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị A, anh P đều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị A và anh P bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự cho thấy vợ chồng chị A và anh P thời gian đầu chung sống hoà thuận hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến đánh cãi nhau, do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 5 năm 2021 đến nay chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm tới ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh P xin đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh P đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nhiều lần và nếu chị A cương quyết xin ly hôn thì anh P cũng nhất trí để Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị A nên đề nghị của anh P không có căn cứ chấp nhận. Ngày 04/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị A và anh P được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh P tại khu Đ, xã P, huyện C, Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã đánh nhau do những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, cần xử cho chị A được ly hôn anh P là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh P đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Cao T, sinh ngày 13/3/2018. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh P và bố mẹ anh P, anh P được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển của con chung cần chấp nhận sự thoả thuận của chị A và anh P là giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị A, anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81;

khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, khoản 1, điều 227; khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim A được ly hôn anh Nguyễn Quang P.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Cao T, sinh ngày 13/3/2018 cho anh Nguyễn Quang P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh P tự nguyện không yêu cầu. Chị A được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị A, anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Kim A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007746 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền